TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2024/LĐ-PT
Ngày 17-4-2024
V/v Đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động, tiền lương và trợ cấp chấm dứt Hợp đồng lao động

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Biền
Ông Nguyễn Thành Công

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định*:** Bà Mai Thị Bích Huyên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 05/2023/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động, tiền lương và trợ cấp chấm dứt Hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 06/2023/LĐ-ST ngày 29-9-2023 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 187/2023/QĐ-PT ngày 04-4-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Công N, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số C đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị D: Chị Phùng Thị Huyền T, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ A Khu G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: B N, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội (theo giấy uỷ quyền ngày 12-11-2022). *(Chị T có mặt; anh H vắng mặt tại phiên tòa.)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: Luật sư Hoàng Vĩnh T1;

Luật sư Nguyễn Văn T2; Luật sư Phạm Thế H1; Luật sư Lê Thu H2 – đều thuộc Công ty L1 - Đoàn luật sư thành phố H. *(Các luật sư vắng mặt tại phiên tòa).*

- Bị đơn: Trường Cao đẳng C; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc T3 – Chức vụ: Hiệu trưởng. địa chỉ trụ sở: Số F đường H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt.)*

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T3: Bà Vũ Thị Thanh H3, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số A P, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định; ông Trần Văn P, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số A G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; ông Hoàng Mai S, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số D T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt.)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là ông Phùng Công N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Phùng Công N được tuyển dụng vào làm việc tại Trường T6 nay là Trường Cao đẳng C (sau đây gọi tắt là trường CĐCN Dệt-M Nam Định) theo Quyết định về việc tuyển dụng giáo viên số 14/2007/QĐ-TCKTKTDM ngày 13-3-2007 với chức danh là giáo viên công tác tại phòng Đào tạo, đến 01-4-2007 có Quyết định điều động cán bộ số 23/2007/QĐ-TCKTKTDM từ phòng Đào tạo sang khoa Tin học Ngoại ngữ, đến 01-9-2007 có Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ số 278/2007/QĐ-CĐNCNDM giữ chức vụ Tổ trưởng bộ môn Tin học, do đang trong thời gian tập sự nên ông N chỉ được hưởng 85% của bậc lương 2,34 và được hưởng phụ cấp chức vụ 0,15. Năm 2008 thì ông N được ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Trường C và được bổ nhiệm viên chức vào ngạch giáo viên trung học, được hưởng 100% hệ số lương 2,34 và được hưởng phụ cấp chức vụ 0,15. Những văn bản này do ông Nguyễn Khắc T3 là Hiệu trưởng ký. Năm 2010 ông N được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm N2 được hưởng phụ cấp chức vụ 0,3 theo Quyết định số 160/2010/QĐ-CĐNKTKT ngày 23-02-2010, sau đó được giữ chức vụ Phó Trưởng khoa Công nghệ Thông tin được hưởng phụ cấp chức vụ 0,3 theo Quyết định số 377/2010/QĐ-CĐNKTKT ngày 20-6-2010, đến năm 2015 thì chức vụ Phó Trưởng khoa phụ trách quản lý khoa Tin học-Ngoại ngữ vẫn hưởng phụ cấp chức vụ 0,3. Năm 2016 giữ chức vụ Quyền Trưởng khoa khoa Tin học-Ngoại ngữ hưởng phụ cấp chức vụ 0,45 theo Quyết định số 22/2016/QĐ-CĐNKTKT ngày 01-3-2016. Năm 2017 thì giữ chức vụ Trưởng khoa khoa Tin học-Ngoại ngữ vẫn hưởng phụ cấp chức vụ 0,45.

- Về việc nhà trường ban hành Quyết định số 132/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 chấm dứt hợp đồng làm việc đối với ông Phùng Công N:

Trước khi đột ngột ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc, nhà trường chỉ động viên ông N xin thôi giữ chức vụ Trưởng khoa khoa Tin học-Ngoại ngữ và xin nghỉ không hưởng lương đến khi nhà trường tinh giản biên chế theo quy định. Thông cảm với khó khăn của nhà trường, ông N đã làm đơn xin nghỉ không hưởng lương và nộp cho Nhà trường vào ngày 01-6-2020, sau khi nộp đơn

và được ông Nguyễn Khắc T3 phê duyệt chấp nhận, tuy không đến trường giảng dạy nhưng ông N vẫn đến trường khi nhà trường có yêu cầu. Trong quá trình thực hiện quy trình tinh giản biên chế nhà trường chỉ thông báo chung chung là sẽ tinh giản biên chế một số người chứ không thông báo chính thức, trực tiếp sẽ chấm dứt hợp đồng với ông N. Đồng thời ông N không được thông báo hay tham gia các cuộc họp về việc nhà trường sẽ chấm dứt hợp đồng làm việc theo chính sách tinh giản biên chế. Đến ngày 26-4-2021 thì nhà trường đơn phương ban hành Quyết định số 132/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 chấm dứt hợp đồng làm việc với ông N, Quyết định số 133/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 kèm bảng kê chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc với số tiền là 24.431.232 đồng.

- Về việc nhà trường không trả tiền lương cho nguyên đơn từ tháng 01-2014 đến thời điểm nguyên đơn nộp đơn xin nghỉ không hưởng lương chờ nhà trường có quy chế tinh giản biên chế theo quy định:

Trong quá trình công tác ông N không vi phạm kỷ luật và hàng năm, nhà trường đều điều chỉnh lương, phụ cấp theo ngạch bậc, chức vụ, thâm niên nhà giáo cho ông N theo quy định viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Lần nâng lương thường xuyên gần nhất của ông Nghĩa là năm 2019. Cụ thể: Từ ngày 13-03-2007 đến 31-03-2008 trong thời gian tập sự, thử việc hưởng 85% hệ số lương 2,34; từ 01-04-2008 đến 31-03-2011 hưởng bậc 1, hệ số 2,34; từ 01-04-2011 đến 30-6-2013 hưởng bậc 2, hệ số 2,67; từ 01-07-2013 đến 30-06-2016 hưởng bậc 3, hệ số 3,00; từ ngày 01-7-2016 đến 30-06-2019 hưởng bậc 4, hệ số 3,33; từ ngày 01-07-2019 đến thời điểm thôi việc 04-05-2021 hưởng bậc 5, hệ số 3,66. Ngoài ra, ông N cũng được nhà trường trích đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng.

+ Phụ cấp chức vụ: từ tháng 9-2007 đến tháng 2-2010 hưởng phụ cấp chức vụ 0,15 (Tổ trưởng Tổ môn trực thuộc Khoa); từ tháng 3-2010 đến tháng 2-2016 hưởng phụ cấp chức vụ 0,30 (Phó Trưởng khoa); từ tháng 3-2016 đến tháng 01-2020 hưởng phụ cấp chức vụ 0,45 (Trưởng khoa); từ tháng 02-2020 xin thôi giữ chức vụ theo nguyện vọng (đơn xin thôi giữ chức vụ Trưởng khoa Tin học-Ngoại ngữ đã được Hiệu trưởng đồng ý chấp thuận).

+ Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Từ tháng tháng 4-2013 đến tháng 3-2014 hưởng 5%; từ 4-2014 đến tháng 3-2015 hưởng 6%; từ tháng 4-2015 đến tháng 3-2016 hưởng 7%; từ tháng 4-2016 đến tháng 3-2017 hưởng 8%; từ tháng 4-2017 đến tháng 3-2018 hưởng 9%; từ tháng 4-2018 đến tháng 3-2019 hưởng 10%; từ tháng 4-2019 đến tháng 3-2020 hưởng 11%; từ tháng 4-2020 đến tháng 5-2021 hưởng 12%

Tiền lương của ông N được tính theo công thức: lương cơ sở x hệ số lương + phụ cấp chức vụ + phụ cấp thâm niên nhà giáo + phụ cấp ưu đãi nhà giáo (theo điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDDT-BNV-BTC) sau khi trừ tiền đóng bảo hiểm xã hội. Vì vậy, tiền lương/tháng hiện hưởng tại thời điểm nhà trường ra Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động của ông Nghĩa là 7.821.380 đồng.

Về chế độ ông N được hưởng khi tinh giản biên chế theo qui định tại Điều 10 Nghị định 108 như sau:

+ Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm, cụ thể: 7.530.546 đồng x 3 tháng = 22.591.639 đồng

+ Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội (thời gian đóng bảo hiểm từ 01-03-2007 đến tháng 30-5-2021 là 14 năm 02 tháng), cụ thể: Tiền lương trung bình 60 tháng trước khi tinh giản biên chế là 6.424.246 đồng x 14,2 x 1,5 = 136.836.441 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp ông N phải được nhận là 159.428.080 đồng.

Từ tháng 12-2013 trở về trước, ông N vẫn được nhà trường trả lương, phụ cấp đầy đủ vào tài khoản số 109004295122 mở tại ngân hàng V chi nhánh B1. Tuy nhiên từ tháng 01-2014 cho đến khi nhà trường đột ngột ban hành Quyết định số 132 chấm dứt hợp đồng làm việc với ông N vào ngày 26-4-2021 thì nhà trường trả lương không đầy đủ, không đúng hạn cho ông N. Việc trả lương không đầy đủ, không đúng hạn của nhà trường, ông N chỉ được biết khi Liên đoàn Lao động tỉnh N tổ chức hòa giải giữa hai bên vào ngày 22-11-2021. Tính đến thời điểm ông N có đơn xin nghỉ không hưởng lương nhà trường còn nợ ông N số tiền lương là 204.864.978 đồng.

Cùng với Quyết định số 132 chấm dứt hợp đồng làm việc với ông N, nhà trường ban hành Quyết định 133/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đối với viên chức với số tiền là 24.431.232 đồng. Tuy nhiên, trong số tiền 24.431.232 đồng trợ cấp, hỗ trợ thôi việc theo bảng kê của nhà trường, ông N chỉ được nhận số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền 21.431.232 đồng còn lại nhà trường đã giữ lại với lý do trừ vào việc đóng tiền bảo hiểm xã hội trong thời gian ông N nghỉ việc. Ngoài ra, ông N xác nhận đã được nhà trường trả sổ bảo hiểm xã hội, các giấy tờ liên quan đến quá trình công tác của mình.

Nhận thấy, nhà trường thực hiện quy trình tinh giản biên chế không đúng theo quy định của pháp luật, ra Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật, chi trả lương không đầy đủ, không đúng hạn, chi trả các khoản trợ cấp thôi việc… không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời không muốn trở lại làm việc cho Trường C nên ông N đã yêu cầu Liên đoàn Lao động tỉnh N giải quyết vụ việc. Ngày 22-11-2021, Liên đoàn Lao động tỉnh N đã tổ chức hòa giải giữa hai bên nhưng không thành vì vậy ông N khởi kiện vụ việc đến Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định:

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố Quyết định chấm dứt Hợp đồng làm việc số 132/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 là trái luật. Tuyên hủy Quyết định chấm dứt Hợp đồng làm việc số 132/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Trường C đối với ông Phùng Công N;

- Buộc Trường C có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Phùng Công N, tiền lương còn nợ (bao gồm cả phụ cấp ưu đãi nhà giáo) từ tháng 01 năm 2014 đến hết tháng 5 năm 2020 số tiền là 204.864.978 đồng;

- Buộc Trường C có trách nhiệm chi trả các khoản tiền theo chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ, cụ thể: 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm là 22.591.639 đồng; 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội là 136.836.441 đồng, tổng cộng là 159.428.080 đồng cho ông Phùng Công N;

- Buộc Trường C có trách nhiệm bồi thường cho ông Phùng Công N theo Điều 41, Điều 46 của Bộ luật Lao động do đã thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật 06 tháng tiền lương x 7.530.546 đồng/tháng = 45.183.277 đồng và 06 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động do ông Phùng Công N không đồng ý trở lại làm việc cho Trường C số tiền là 45.183.277 đồng;

- Buộc Trường C phải trả tiền lương trong những ngày ông Phùng Công N không được làm việc tạm tính từ ngày 04-5-2021 đến ngày 26-9-2023 (làm tròn là 28 tháng) là 210.855.288 đồng.

Tổng cộng, ông Phùng Công N yêu cầu Trường C phải thanh toán số tiền là 665.514.900 đồng.

Nguyên đơn tự nguyện rút các yêu cầu khởi kiện sau đối với bị đơn:

- Buộc bị đơn xin lỗi công khai bằng văn bản đối với nguyên đơn và đăng trên trang điện tử của trường và báo giấy 3 kỳ liên tục về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật;

- Buộc bị đơn phải thực hiện lại qui trình tinh giản biên chế theo chính sách tinh giản biên chế được qui định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2024 của Chính phủ;

- Buộc bị đơn có nghĩa vụ bồi thường chi phí tố tụng gồm phí thuê luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại là 10.000.000 đồng.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của Trường Cao đẳng C là ông Nguyễn Khắc T3 và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Khắc T3 trình bày:

2.1. Về quá trình thành lập, cơ cấu tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng C (sau đây gọi tắt là CĐCN Dệt-M Nam Định):

- *Về tư cách pháp lý*: Trường C tiền thân là T4 Công nhân kỹ thuật trực thuộc nhà máy D1 được thành lập theo Quyết định số 934/BCNN ngày 25-7-1968 của Bộ C1 nhẹ. Ngày 16-9-1996 được đổi tên thành Trường C trực thuộc Tổng Công ty D2 theo Quyết định số 2552/QĐ-TCCB của Bộ C1 nhẹ. Ngày 16-03-1998 được đổi tên thành Trường C trực thuộc Tổng Công ty D2 theo quyết định số 17/1998/QĐ-BCN của Bộ C1. Năm 2003, T4 nâng cấp thành Trường T7 - Kỹ thuật Dệt-May trực thuộc Tổng Công ty D2 theo Quyết định số 252/2003/QĐ-BCN ngày 31-12-2003 của Bộ C1. Đến năm 2007 T4 nâng cấp thành Trường Cao

đẳng C thuộc Tập đoàn D2 theo Quyết định số 612/QĐ-BLĐTBXH ngày 11-5-2007 của Bộ L2. Ngày 09-4-2009 T4 được đổi tên thành Trường Cao đẳng T7 thuộc Tập đoàn D2 theo Quyết định số 455/QĐ-BLĐTBXH của Bộ L2. Ngày 07-02-2017 T4 được đổi tên thành Trường C theo Quyết định số 133/QĐ-LĐTBXH của Bộ L2.

Ngày 06-5-2014 Tập đoàn D2 (sau đây gọi tắt là TĐDM Việt Nam) được phê duyệt phương án cổ phần hóa theo Quyết định số 646/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ sở hữu nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ. Theo phương án cổ phần hóa, giá trị các đơn vị sự nghiệp thuộc phần vốn nhà nước; tập đoàn tiếp tục hưởng các cơ chế tài chính đối với các trường đào tạo trong ngành dệt may theo Thông tư số 32/2010/TT-BTC ngày 09-3-2010 của Bộ T8 về thực hiện "Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020". Theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-06-2015 về việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc Vinatex thì Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D2 quản lý vốn, tài sản, nhân sự của 07 đơn vị sự nghiệp thuộc tập đoàn T9. Hiện tại T4 là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D2 quản lý vốn, tài sản, nhân sự theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-06-2015 của Văn phòng C2. Đến nay nhà trường chưa có đơn vị chủ quản chính thức.

- *Về tài chính*: Nhà trường không được Nhà nước cấp ngân sách bảo đảm chi thường xuyên cũng như đảm bảo một phần chi thường xuyên. Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020 T4 được thụ hưởng một phần nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ "để tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức thực hiện đào tạo" theo chương trình đào tạo nguồn nhân lực Dệt-D2 của Thông tư số 32/2010/TT-BTC ngày 09-03-2010 của Bộ T8, Quyết định số 36/2008/QĐ-TTg ngày 14-3-2008 của Thủ tướng Chính phủ. Nguồn kinh phí chỉ hỗ trợ cho 03 ngành là: Dệt may; thiết kế thời trang; dệt nhuộm, trên tổng số 12 ngành nghề mà T4 tuyển sinh và đào tạo trong giai đoạn từ 2010 - 2020. Từ năm 2021, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực dệt may, T4 thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-03-2021 của Thủ tướng Chính phủ. Nhà trường duy trì hoạt động bằng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, hợp tác đào tạo, khoa học, công nghệ, dịch vụ sản xuất, liên doanh liên kết theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Quá trình tuyển dụng, bổ nhiệm, lương, các loại phụ cấp, đóng bảo hiểm của ông Phùng Công N:

Ông Phùng Công N được trường tuyển dụng làm giáo viên công tác tại phòng Đào tạo từ ngày 13-03-2007 theo Quyết định số 14/2007/QĐ-TCKTKT ngày 13-03-2007; từ ngày 01-04-2007 được điều động về làm việc tại K2; từ ngày 01-09-2007 được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổ trưởng Bộ môn Tin học trực thuộc khoa Tin học – Ngoại ngữ, hưởng hệ số chức vụ 0,15; từ 01-03-2010 được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm N2, hưởng hệ số chức vụ 0,30; từ 01-07-2010 được điều động bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng khoa, khoa Công nghệ-Thông tin, hưởng hệ số chức vụ 0,30; ngày 01-04-2013 được bổ nhiệm lại giữ chức vụ

Phó Trưởng khoa, khoa Công nghệ-Thông tin, hưởng hệ số chức vụ 0,30; ngày 01-02-2015 thôi giữ chức vụ Phó Trưởng khoa Công nghệ-Thông tin để bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng khoa Tin học-Ngoại ngữ, hưởng hệ số chức vụ 0,30; ngày 01-07-2015 được bổ nhiệm Phó Trưởng khoa phụ trách, quản lý khoa Tin học-Ngoại ngữ, hưởng hệ số chức vụ 0,30; ngày 01-03-2016 được bổ nhiệm giữ chức vụ quyền Trưởng khoa Tin học-Ngoại ngữ, hưởng hệ số chức vụ 0,45; ngày 01-07-2017 được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng khoa Tin học – Ngoại ngữ, hưởng hệ số chức vụ 0,45; từ ngày 01-02-2020 thôi giữ chức vụ Trưởng khoa Tin học– Ngoại ngữ theo Quyết định số 15/QĐ-CĐCNDM ngày 15-01-2020, thôi hưởng hệ số chức vụ 0,45.

- Về chức vụ Đảng: Là Bí thư Chi bộ Tin học - Ngoại ngữ 02 nhiệm kỳ, từ năm 2015 đến năm 2020.

- L và phụ cấp: Từ ngày 13-03-2007 đến 31-03-2008 trong thời gian tập sự, thử việc hưởng 85% hệ số lương 2,34, bậc 1; từ 01-04-2008 đến 31-03-2011 hưởng bậc 1, hệ số 2,34; từ 01-04-2011 đến 30-6-2013 hưởng bậc 2, hệ số 2,67; từ 01-07-2013 đến 30-06-2016 hưởng bậc 3, hệ số 3,00; từ ngày 01-7-2016 đến 30-06-2019 hưởng bậc 4, hệ số 3,33; từ ngày 01-07-2019 đến thời điểm thôi việc 04-05-2021 hưởng bậc 5, hệ số 3,66.

- Phụ cấp thâm niên: Hưởng 5% từ ngày 01-04-2013 đến tháng 3-2014; 6% từ tháng 4-2014 đến tháng 3-2015; 7% từ tháng 4-2015 đến tháng 3-2016; 8% từ tháng 4-2016 đến tháng 3-2017; 9% từ tháng 4-2017 đến tháng 3-2018; 10% từ tháng 4-2018 đến tháng 3-2019; 11% từ tháng 4-2019 đến tháng 3-2020; 12% từ tháng 4-2020 đến khi thôi việc.

+ Phụ cấp chức vụ: từ tháng 9-2007 đến tháng 2-2010 hưởng phụ cấp chức vụ 0,15 (Tổ trưởng Tổ môn trực thuộc Khoa); từ tháng 3-2010 đến tháng 2-2016 hưởng phụ cấp chức vụ 0,30 (Phó Trưởng khoa); từ tháng 3-2016 đến tháng 01-2020 hưởng phụ cấp chức vụ 0,45 (Trưởng khoa) từ tháng 02-2020 xin thôi giữ chức vụ theo nguyện vọng (đơn xin thôi giữ chức vụ Trưởng khoa Tin học - Ngoại ngữ đã được Hiệu trưởng đồng ý chấp thuận).

+ Phụ cấp ưu đãi đứng lớp đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy: Căn cứ điểm c khoản 1 mục I của Thông tư liên tịch số 01/2006 ngày 23-01-2006 của Bộ G, Bộ N3 quy định cán bộ quản lý thuộc biên chế trả lương của trường T10 đủ số giờ theo quy định của cấp có thẩm quyền; Thông tư số 07/2017 ngày 10-3-2017 của Bộ L2 quy định chế độ làm việc của nhà giáo, giáo dục nghề nghiệp; Thông tư 09/2008 ngày 27-6-2008 của Bộ L2 hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề, nhà trường đã có Quyết định số 996 ngày 27-11-2013, Quyết định 253 ngày 27-5-2016, Quyết định số 320 ngày 18-11-2020 ban hành quy chế nội bộ của nhà trường, trong đó quy định chế độ làm việc của giáo viên giảng dạy, Thông báo kết luận số 123 ngày 25-4-2014 và Quyết định 184 ngày 07-5-2014 về điều chỉnh bổ sung một số điều trong quy chế chi tiêu nội bộ, cụ thể: 30% mức lương được hưởng x (hệ số lương theo ngạch, bậc + phụ cấp chức vụ + phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) x mức lương tối thiểu chung của từng thời kỳ). Đối với giáo viên thì số giờ dạy quy định là 615 giờ/năm, còn trưởng khoa thì số giờ dạy quy

định giảm 30% so với số giờ của giáo viên là 448 giờ/năm. Đối chiếu với các văn bản trên thì ông N không trực tiếp giảng dạy đủ số giờ theo quy định thể hiện ở các năm sau:

Năm 2014-2015: 161,6 giờ/448 giờ định mức (có 280 giờ bảo trì máy tính đã được quy đổi để chấm công trả lương), tỷ lệ đạt 36%; Năm 2015-2016 giờ định mức đạt 22,8%, cụ thể giảng dạy được 98,5 giờ/448 giờ định mức; Năm 2016-2017 giờ định mức đạt 2,7%, cụ thể giảng dạy được 10,5 giờ/448 giờ định mức; Năm 2017-2018 không giảng dạy; Năm 2018-2019 giờ định mức đạt 21,4%, cụ thể giảng dạy được 92,2 giờ/448 giờ định mức; Năm 2019-2020 giờ định mức đạt 56,4%, cụ thể giảng dạy được 190,2 giờ/448 giờ định mức; Năm 2020-2021 không giảng dạy

- Chế độ bảo hiểm của nguyên đơn được đóng hàng tháng: Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm lương theo ngạch (chức danh nghề nghiệp), bậc, phụ cấp thâm niên nhà giáo; tỷ lệ trích đóng bảo hiểm xã hội là 8%, bảo hiểm y tế là 1,5%, bảo hiểm thất nghiệp (thực hiện từ 01-01-2009) là 01% tổng là 10,5%. Nhà trường trích đóng tỷ lệ bảo hiểm xã hội là 17%, BHTNLĐ-BNN là 0,5%, bảo hiểm y tế là 1,5%, bảo hiểm thất nghiệp (thực hiện từ 01-01-2009) là 1% tổng là 21,5%. Tổng tỷ lệ của nhà trường và nguyên đơn phải đóng là 32% tiền lương theo ngạch (chức danh nghề nghiệp), bậc, phụ cấp thâm niên nhà giáo của nguyên đơn.

- Trong thời gian nguyên đơn giữ chức vụ Trưởng đơn vị và Bí thư Chi bộ, ông Nghĩa là người chấm công, ký bảng chấm công, tổ chức họp và ký biên bản các cuộc họp của K về góp ý các văn bản chủ trương của Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu về quy chế tiền lương nội bộ, định mức giờ giảng, quy trình thực hiện chấm dứt Hợp đồng làm việc viên chức dôi dư; tổ chức sinh hoạt, họp Chi bộ định kỳ để phổ biến, thông báo các Nghị quyết, quyết định, văn bản của cấp trên tới toàn Đảng viên, quần chúng trong Chi bộ và đơn vị.

- Trong quá trình công tác tại trường, ông Phùng Công N không bị kỷ luật gì.

2.3. Quan điểm của nhà trường đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.3.1. Về việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc số 132/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của nhà trường:

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho TĐDM Việt Nam quản lý theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-06-2015 của Văn phòng C2. Nhà trường không có nguồn kinh phí thường xuyên và không được nhà nước cấp nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên thế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31-08-2018 của Chính phủ, Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

Sau khi TĐDM Việt Nam đã cổ phần hoá, thực hiện ý kiến chỉ đạo và chủ trương của TĐDM Việt Nam theo Công văn số 1052/TĐDMVN-QLNNL ngày 11-12-2018 về công tác cán bộ và tái cơ cấu tổ chức bộ máy Trường C; Công văn số 31/TĐDMVN-QLNNL ngày 10-01-2020 của TĐDM Việt Nam về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường C; căn cứ số lượng ngành nghề đào tạo, số lượng chỉ tiêu được giao của T11; số lượng học sinh, sinh viên thực tế đang đào tạo tại trường và các đơn vị liên kết; dự kiến quy mô tuyển sinh và đào tạo trong giai đoạn năm tiếp theo; tình hình thực tế về nguồn tài chính, công tác tuyển sinh và đào tạo, các nhiệm vụ khác được cấp trên giao, Trường C đã ban hành Nghị quyết số 146/NQ-HĐT ngày 03-6-2020 của Hội đồng trường về việc xác định số lượng nhân lực cần sử dụng và số lượng nhân lực dôi dư tại các đơn vị trực thuộc Trường; Nghị quyết số 02/NQ-ĐUCĐ ngày 23-6-2020 của Đảng uỷ trường về việc xác định số lượng nhân lực cần sử dụng và số lượng nhân lực dôi dư tại các đơn vị trực thuộc; Quyết định số 175/QĐ-CĐNCNDM ngày 01-7-2020 của Hiệu trưởng nhà trường về việc xác định số lượng nhân lực cần sử dụng và số lượng nhân lực dôi dư tại các đơn vị trực thuộc.

Để xác định số viên chức, lao động dôi dư, Trường C đã triển khai quy trình như sau: 1) Xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách và Bộ T12 đánh giá, chấm điểm xác định nhân lực định biên và nhân lực dôi dư; 2) Triển khai đánh giá, chấm điểm xác định nhân lực định biên và nhân lực dôi dư; 3) Đảng uỷ và Hội đồng trường họp thảo luận và thống nhất danh sách viên chức dôi dư thực hiện chấm dứt hợp đồng làm việc, thông báo kết quả đến các chi bộ, đơn vị, các tổ chức đoàn thể để thông báo và phổ biến cho toàn thể cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động trong toàn trường. Sau khi thực hiện quy trình theo quy định, do nguyên đơn không thuộc đối tượng áp dụng cũng như không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ; Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế nên nhà trường áp dụng điểm d khoản 1 Điều 29 Luật Viên chức số 58/2010/QH12 để thực hiện chấm dứt hợp đồng làm việc kể từ ngày 04-05-2021 và điểm a, b, d khoản 1 Điều 58 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25-09-2020 của Chính phủ để chi trả trợ cấp thôi việc là 01 tháng lương và hỗ trợ thôi việc 03 tháng lương đối với ông Phùng Công N.

Nhà trường đơn phương chấm dứt Hợp đồng làm việc với nguyên đơn theo quy trình bảo đảm dân chủ, khách quan, minh bạch với những lý do bất khả kháng sau:

Thứ nhất: Bối cảnh Nhà trường: Từ tháng 6-2015 đến thời điểm hiện tại sau 03 nhiệm kỳ của Chính phủ, Phó Thủ tướng Vũ Văn N1, Vương Đình H4, Lê Minh K1 chủ trì 03 hội nghị lấy ý kiến các bộ: Bộ Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, Công Thương; các địa phương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nam Định; các văn bản của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng đã chỉ đạo giao Bộ C3 chủ trì cùng các bộ và địa phương liên quan thống nhất báo cáo Chính phủ về việc quyết định đơn vị chủ quản cho nhà trường nhưng đến nay T4 vẫn thuộc TĐDM Việt Nam

tạm giao quản lý không có cơ chế chính sách hỗ trợ trường như các trường công lập trực thuộc Chính phủ, Bộ, địa phương.

Thứ hai: Cuối năm 2019, năm 2020 và đầu năm 2021 đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Chính phủ xiết chặt công tác kiểm soát dịch bệnh, đi lại của toàn xã hội làm ảnh hưởng lớn đến công tác tiếp thị tuyển sinh tới người học và phụ huynh do đó số lượng tuyển sinh, nguồn thu tài chính mất cân đối thu chi, nhiều giáo viên không bố trí được việc làm…

Thứ ba: Năm 2021, nhà trường không được nhà nước cấp ngân sách chi cho hoạt động thường xuyên, không có ngân sách cấp hỗ trợ đào tạo (Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-03-2021 của Chính phủ quyết định từ năm 2021 trở đi, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực dệt may, trường thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định). Nhà trường duy trì hoạt động bằng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, hợp tác đào tạo, khoa học, công nghệ, dịch vụ sản xuất, liên doanh liên kết theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25-04-2006 của Chính phủ, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14-02-2015 của Chính phủ; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21-6-2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập).

Thứ tư: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo TĐDM Việt Nam giao nhiệm vụ cho T4 bằng mọi cách thu hẹp quy mô và giảm biên chế tới mức tối đa có thể theo các công văn chỉ đạo: Công văn số 26 ngày 14-01-2015 về phê duyệt chủ trương sắp xếp lại bộ máy tinh giản biên chế; Công văn số 1052 ngày 11-12-2018 về việc công tác cán bộ và tái cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường; Công văn số 835 ngày 06-12-2019 về việc phương án sắp xếp lao động Trường C; Công văn số 31 ngày 10-01-2020 về việc xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2020; Công văn số 519 ngày 24-07-2020 của T13 về việc thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, ngày 19-3-2021 Trường C báo cáo trình lãnh đạo T13 về việc giải quyết lao động dôi dư, đồng thời T4 thực hiện các bước quy trình tổ chức thực hiện giải quyết lao động dôi dư, thông báo chấm dứt hợp đồng làm việc, ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc kể từ ngày 04-5-2021, chi trả trợ cấp thôi việc đối với viên chức giải quyết thôi việc.

Thứ năm: Trong bối cảnh từ năm 2014 đến nay công tác tuyển sinh khó khăn, mất cân đối thu chi, nhân lực dôi dư không bố trí được việc làm (lãnh đạo nhà trường đã tìm mọi giải pháp để khắc phục khó khăn, cho giáo viên học tập, bồi dưỡng để chuyển đổi vị trí việc làm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên liên hệ chuyển công tác, làm việc bên ngoài để lo cho đời sống, bố trí nhà xưởng cho cán bộ công nhân viên có việc làm nhưng giáo viên không có nhu cầu làm việc mới) do tình hình hoạt động của nhà trường bất khả kháng về bố trí việc làm và nguồn kinh phí không đủ chi trả tiền lương, bảo hiểm do đó T4 đã thực hiện các bước quy trình giải quyết lao động dôi dư theo quy định của pháp luật.

Quy trình thực hiện đảm bảo dân chủ, minh bạch và công khai rộng rãi tới toàn thể các tổ chức đảng, đoàn thể, các đơn vị trực thuộc, toàn bộ cán bộ, viên chức, giáo viên và công nhân viên trong toàn trường biết. Quy trình thực hiện (cụ thể hoá các văn bản quy định của pháp luật, văn bản chỉ đạo của cấp trên, Đảng uỷ, Hội đồng trường ban hành các Nghị quyết, Biên bản chủ trương chỉ đạo, Ban Giám hiệu phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện, thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc xây dựng và ban hành các kế hoạch, phương án, thông báo, chế độ chính sách; hướng dẫn và phiếu đánh giá, chấm điểm phân loại từng cá nhân tự đánh giá sau đó đơn vị trực quản lý viên chức đánh giá, đến tổ giúp việc, Ban Chỉ đạo đánh giá tổng hợp báo cáo Ban Giám hiệu trình Đảng uỷ và Hội đồng trường quyết định lựa chọn những viên chức để giữ lại làm việc và thực hiện các bước chấm dứt Hợp đồng làm việc theo quy định những viên chức dôi dư).

Trong số những trường hợp nhà trường chấm dứt hợp đồng làm việc có ông Phùng Công N viết đơn ngày 01-06-2020 đề nghị nguyện vọng của cá nhân xin thôi giữ chức vụ Trưởng khoa Tin học-Ngoại ngữ, xin nghỉ không hưởng lương để nghỉ chờ cho đến khi nhà trường làm quy trình tinh giản biên chế, đơn của ông N đã được Hiệu trưởng thay mặt Ban Giám hiệu nhà trường đồng ý chấp thuận. Mọi sinh hoạt Chi bộ và các cuộc họp của Đoàn trường thì có các thông báo cho ông N biết để đến sinh hoạt. Còn lại công việc chuyên môn thì ông N nghỉ hẳn, không giảng dạy.

Trước khi chấm dứt thôi việc đối với nguyên đơn, nhà trường đã gặp mặt, giải thích; thông báo thời điểm chấm dứt hợp đồng làm việc (Thông báo số 33/TT-CĐCNDM ngày 11-3-2021 của Hiệu trưởng Trường C về việc triệu tập cuộc họp về việc thông báo chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức; Biên bản Cuộc họp gặp mặt, trao đổi, đối thoại, thông báo thời điểm Nhà trường chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức ngày 15-3-2021), các chế độ chi trả, hỗ trợ thôi việc; gửi Quyết định chấm dứt Hợp đồng làm việc, chi trả, hỗ trợ thôi việc tới nguyên đơn.

Như vậy nhà trường thực hiện việc chấm dứt hợp đồng làm việc với ông Phùng Công N đúng theo quy định của pháp luật, do đó nhà trường không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

2.3.2. Về việc ông Phùng Công N yêu cầu nhà trường phải trả tiền lương còn thiếu từ tháng 01-2014 đến ngày 30-5-2020 là 204.864.978 đồng:

Đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các khoa chuyên môn thực hiện theo quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của trường quy định và theo quy chế nội bộ của trường (Quyết định 966 ngày 27-11-2013, Quyết định 253 ngày 27-5-2016 của Hiệu trưởng Trường C về việc ban hành Quy chế nội bộ), kế hoạch phân công giáo viên giảng dạy, tiến độ lịch phân công giảng dạy; định mức giờ giảng đối với giáo viên giảng dạy lý thuyết, thực hành trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng để quy ra số ngày công làm việc trong tuần, tháng, năm để chi trả lương.

Căn cứ tình hình thực tế của trường không được cấp ngân sách chi cho hoạt động thường xuyên đồng thời do tình hình tuyển sinh và tài chính gặp khó khăn, quy mô đào tạo giảm sút do nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan, đồng thời cụ thể hoá các văn bản của Chính phủ, các Bộ, TĐDM Việt Nam (Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25-04-2006 của Chính phủ; Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-03-2021 của Chính phủ; Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09-08-2006 của Bộ T8 hướng dẫn Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25-04-2006 của Chính phủ; Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24-09-2007 của Bộ T8; Công văn số 26/TĐDMVN-QLNNL ngày 14-01-2015; Công văn số 65/TĐDMVN-QLNNL ngày 05-02-2021), từ năm 2014 đến nay nhà trường xây dựng và ban hành các quy chế, quy định nội bộ của trường áp dụng để chi trả tiền lương theo hiệu quả công việc của từng cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường.

Quy trình triển khai xây dựng và ban hành quy chế, quy định được Đảng ủy và Hội đồng trường thống nhất chủ trương ban hành nghị quyết, biên bản giao cho B Giám hiệu tổ chức thực hiện; Ban Giám hiệu thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng phương án gửi tới các tổ chức đoàn thể, các đơn vị trực thuộc trường xin ý kiến đóng góp hoàn thiện phương án. Các đơn vị trực thuộc tổ chức họp cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn đơn vị đóng góp ý kiến lập biên bản gửi về Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo tổng hợp các ý kiến triển khai họp rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện trình Ban Giám hiệu; Ban Giám hiệu báo cáo Đảng ủy, Hội đồng trường họp xem xét và thống nhất ban hành nghị quyết, biên bản giao Ban Giám hiệu tổ chức thực hiện; Ban Giám hiệu căn cứ các nội dung Nghị quyết, biên bản của Đảng ủy và Hội đồng trường ban hành Quyết định gửi các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện.

Ngày 23-01-2015, ông N đã chủ trì cuộc họp của K2 về việc lấy ý kiến đóng góp vào quy chế nội bộ của trường, kết quả 19/19 người nhất trí tán thành quy chế này. Quy trình thực hiện lấy ý kiến được đại đa số các đơn vị trong toàn trường nhất trí, hiểu về cơ chế nhà trường và điều kiện khó khăn trong giai đoạn hiện nay. Do đó, nhà trường ban hành quy chế tiền lương dựa trên điều kiện thực tế và sự đồng thuận cao của các đơn vị toàn trường. T5 tới hạch toán, tự cân đối thu, chi đảm bảo sự hoạt động của nhà trường.

Từ ngày 01-4-2014 đến nay, các cán bộ, viên chức của nhà trường trong đó có ông Phùng Công N được hưởng lương theo cơ chế "Khoán công việc, tự chủ một phần lương". Tiền lương được tính theo công thức sau: Lương thực lĩnh = {(L cơ bản x hệ số lương theo ngạch bậc) + phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) – số tiền bảo hiểm phải đóng}: 22 ngày công x số ngày công thực tế (các ngày mà giáo viên có giờ dạy thực tế).

Hàng tháng trưởng các đơn vị trực thuộc triển khai chấm công cho cán bộ, công nhân viên, giáo viên đơn vị mình phụ trách. Căn cứ vào bảng chấm công có chữ ký của trưởng đơn vị (trong đó có ông N), gửi Phòng Tổ chức - Hành chính kiểm tra xác nhận trình Hiệu trưởng ký chuyển phòng Kế toán tính toán lương theo ngạch bậc của nhà nước quy định và quy chế của nhà trường sau đó sẽ hoàn thiện thủ tục chuyển sang Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định. Việc thanh toán

lương từ trước năm 2014 đều được thực hiện chuyển qua tài khoản ATM. Căn cứ vào thẻ ATM Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định sẽ chuyển sang ngân hàng V chi nhánh B1, sau đó ngân hàng chuyển lương theo số tài khoản ông N đăng ký để thanh toán. Số tài khoản của ông N mà nhà trường là thực hiện chi trả lương và các khoản thu nhập khác: số tài khoản cũ 711A09106535, tài khoản mới là 109004295122, từ thời điểm tháng 01-2014 đến hết tháng 05-2020 với tổng số tiền là 277.348.502 đồng. Như vậy, nhà trường đã trả đầy đủ lương cho ông Phùng Công N, việc trả lương cho ông N được thực hiện bằng ủy nhiệm chi đã được Ngân hàng xác nhận nên nhà trường đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu đòi tiền lương này của ông Phùng Công N.

2.3.3. Về việc ông Phùng Công N yêu cầu nhà trường chi trả các khoản tiền trợ cấp theo chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ:

Như đã trình bầy ở trên, ông Phùng Công N không thuộc trường hợp nghỉ việc theo chính sách tinh giản biên chế mà thuộc trường hợp nhà trường đơn phương chấm dứt hợp đồng (áp dụng theo Luật viên chức và Nghị định 115/2020/NĐ-CP, Điều 39 Nghị định hợp nhất số 03/2019 ngày 21-5-2019 của Bộ N3). Nhà trường là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho TĐDM Việt Nam quản lý theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-06-2015 của Văn phòng C2. Sau khi TĐDM Việt Nam đã cổ phần hoá, T4 cũng không thuộc phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện áp dụng tại Điều 1 Nghị định 108/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế để giải quyết chế độ cho viên chức thôi việc. Để nhà trường được vận dụng Nghị định số 108/2014/NĐ-CP cần phải có đề nghị của TĐDM Việt Nam và được sự phê duyệt của các bộ gồm có Bộ N3, Bộ T8, Bộ L2, Bộ C3. Nhà trường không có nguồn kinh phí thường xuyên và không được nhà nước cấp nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Điều 13 Nghị định 108 của Chính phủ; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31-08-2018 của Chính phủ; Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định Nghị định 108 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Nhà trường chỉ là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp nhà nước là TĐDM Việt Nam. Đến năm 2015 do TĐDM Việt Nam cổ phần hóa thì nhà trường chỉ là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho TĐDM Việt Nam quản lý. Ngoài ra, các giáo viên không thuộc đối tượng áp dụng cũng như không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế để giải quyết chế độ cho viên chức thôi việc. Các giáo viên là viên chức thuộc doanh nghiệp đã cổ phần hóa không phải là viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo khoản 2 Điều 1 Nghị định 108/2014/NĐ-CP.

Nhà trường đã thực hiện chấm dứt hợp đồng làm việc và chi trả trợ cấp thôi việc cho ông Phùng Công N theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể vào ngày 06-7-2021 trả số tiền là 19.472.610 đồng, ngày 07-7-2021 nhà trường tiếp tục trả 1.250.000 đồng đều trả bằng tiền mặt có chữ ký xác nhận của ông N tại phiếu chi, ngoài ra nhà trường còn chuyển thẳng vào số tài khoản 109004295122 của ông N

số tiền là 3.708.622 đồng vào ngày 08-7-2021. Tổng cộng ông N đã được nhận số tiền 24.431.232 đồng nên trường không chấp nhận yêu cầu này.

2.3.4. Về yêu cầu nhà trường trả tiền lương tạm tính từ ngày 04-5-2021 đến ngày 26-9-2023 với số tiền là 210.855.288 đồng của nguyên đơn:

Nhà trường khẳng định đã thực hiện chấm dứt hợp đồng làm việc và chi trả trợ cấp thôi việc cho ông Phùng Công N theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời ông Phùng Công N có đơn xin tự nguyện nghỉ không hưởng lương nên nhà trường không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này.

2.3.5. Về yêu cầu nhà trường phải trả khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của Điều 41, Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019:

Nhà trường khẳng định đã thực hiện chấm dứt hợp đồng làm việc và chi trả trợ cấp thôi việc cho ông Phùng Công N theo đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này. Nếu trong trường hợp Tòa án ra bản án quyết định nhà trường phải chi trả khoản tiền này thì nhà trường đề nghị chi trả cho ông N 02 tháng tiền lương hiện hưởng.

3. Tại công văn số 215/TDDMVN-QLNNL ngày 10-5-2023 của Tập đoàn D2 đã cung cấp thông tin như sau:

- Về địa vị pháp lý của Trường C: Trường C tiền thân là T4 Công nhân kỹ thuật trực thuộc Nhà máy D1. Từ năm 2003 trường được nâng cấp và giao cho Tập đoàn D2 để thực hiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực dệt may của Chính phủ.

Tại thời điểm cổ phần hóa do cơ chế chính sách về cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp chưa có nên giá trị các đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn quản lý được loại ra không định giá trong giá trị doanh nghiệp của Tập đoàn khi cổ phần hóa. Vì vậy, Chính phủ giao cho T13 tạm thời quản lý vốn và nhân sự theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-6-2015 của Văn phòng Chính phủ và Thông báo số 416/TB-BCT ngày 09-12-2015 của Bộ C3 về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp. Tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tập đoàn D2 đều thuộc sở hữu nhà nước, độc lập với vốn, tài sản của Tập đoàn; cơ cấu tổ chức và hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập; được các cơ quan nhà nước thành lập và quản lý từ khi thành lập cho đến nay. Hiện tại Bộ C3 đang trình Chính phủ phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp do Tập đoàn tạm quản lý.

- Về thực hiện chế độ đối với giáo viên thôi việc: Để chuẩn bị cho việc chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm thì năm 2015 trước khi Tập đoàn chuyển sang hoạt động theo cơ chế Công ty Cổ phần - đã hỗ trợ nhà trường sắp xếp lại lao động với số tiền 5,527 tỷ đồng từ kinh phí của Tập đoàn để giải quyết 80 lao động dôi dư theo Nghị định 108/NĐ-CP sau khi phương án tinh giản biên chế của T4 được chấp thuận của Văn phòng C2 (Văn bản số 8109//VPCP-ĐMDN ngày 07-10-2015 về việc giải quyết lao động dôi dư tại TĐDM Việt Nam), Bộ N3, Bộ T8, Bộ L2 và đề xuất của Bộ C3.

- Về thực hiện trả lương cho giáo viên: Trường C thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, trang trải mọi chi phí nên việc trả lương, lựa chọn phương thức trả lương thuộc quyền và trách nhiệm của nhà trường. Việc trả lương của nhà trường phải theo vị trí việc làm, thực hiện theo nguyên tắc phân phối tiền lương nhà trường xây dựng và bảo đảm công khai minh bạch, trên cơ sở nguồn thu của nhà trường.

4. Tại Công văn số 2183/BN-TCBC ngày 11-5-2023 của Bộ N3 cung cấp thông tin như sau:

- Về việc xác định loại hình trường: Căn cứ qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Viên chức năm 2010 và các quyết định thành lập, nâng cấp, đổi tên của Bộ C1 nhẹ nay là Bộ C3, Bộ L2 thì Trường C được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập.

- Về việc áp dụng chính sách giải quyết chế độ đối với số lao động dôi dư tại Trường C: Căn cứ qui định tại khoản 2 Điều 1 và khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ thì chỉ áp dụng đối với các viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, nhà nước tổ chức chính trị xã hội (không có đối tượng là viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp). Riêng đối với Trường C trong quá trình sắp xếp, cổ phần hóa Tập đoàn D2, xét đề nghị của Bộ C3 và ý kiến các bộ ngành có liên quan (Tài chính, N, Lao động-Thương binh và Xã hội), Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý cho áp dụng qui định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP để giải quyết lao động dôi dư (theo đề án tinh giản biên chế của T4 được Bộ C3 phê duyệt), nguồn kinh phí để giải quyết tinh giản biên chế được trích từ lợi nhuận sau thuế của TĐDM Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi thành công ty cổ phần (Văn bản số 8109/VPCP-ĐMDN ngày 07-10-2015 của Văn phòng C2).

- Về việc trả lương: Người làm việc tại Trường C nếu được xác định là viên chức theo qui định tại Luật Viên chức thì việc trả lương áp dụng theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14-12-2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, việc chi trả lương của Trường C được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền lương, quy chế chi tiêu nội bộ của trường và hợp đồng lao động được ký kết giữa trường với từng đối tượng cụ thể.

Từ nội dung trên, Tại bản án lao động sơ thẩm số 05/2023/LĐ-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 27 Bộ luật Lao động năm 1994 (sửa đổi bổ sung năm 2002); Điều 39, khoản 1, 2 Điều 41, Điều 46, Điều 90, điểm a khoản 1 Điều 179, Điều 190 Bộ Luật Lao động 2019;

Căn cứ Điều 2, khoản 1, 2 Điều 9, khoản 2 Điều 25 Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ Điều 153, Điều 154, Điều 157, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 40; Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 1, Điều 6, Điều 10, Điều 12 *Nghị định 108*/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31-8-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của *Nghị định 108*/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; khoản 2 Điều 1 Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của *Nghị định 108*/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31-8-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của *Nghị định 108*/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; *Nghị định 204*/2004/NĐ-CP ngày 14-12-2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Điều 2, Điều 3 *Nghị định 54*/2011/NĐ-CP ngày 04-7-2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12-01-2015 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động và Điều 26a Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24-10-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12-01-2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT- BNV-BTC ngày 14-4-2015 hướng dẫn một số điều về *Nghị định 108*/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Mục 2 Thông tư số 09/2008/TT-BLDTBXH ngày 27-6-2008 của Bộ L2 hướng dẫn chế độ làm việc *của* giáo viên dạy nghề; điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT – BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23-01-2006 Hướng dẫn thực hiện Quyết định *số* 244/2005/QĐ-TTg ngày 06-10-2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Công N:

1.1 Tuyên bố Quyết định 132/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng C về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc với ông Phùng Công Nghĩa l trái pháp luật.

Hủy Quyết định số 132/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng C về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc với ông Phùng Công N.

Quyết định 133/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng C về việc chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đối với viên chức đương nhiên không có hiệu lực.

1.2 Buộc Trường Cao đẳng C phải chi trả số tiền trợ cấp theo chính sách tinh giản biên chế cho ông Phùng Công Nghĩa l **131.623.000** (Một trăm ba mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

1.3 Buộc Trường Cao đẳng C phải chi trả số tiền do đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật với ông Phùng Công Nghĩa l **10.932.000** (Mười triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

1.4 Buộc Trường Cao đẳng C phải chi trả cho ông Phùng Công N số tiền trong những ngày không được làm việc từ 04-5-2021 đến 29-9-2023 là **153.054.000** (Một trăm năm mươi ba triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Tổng số tiền Trường Cao đẳng C phải thanh toán cho ông Phùng Công Nghĩa l **295.609.000** (Hai trăm chín mươi năm triệu, sáu trăm linh chín nghìn) đồng. Đối trừ số tiền 24.431.000 đồng ông Phùng Công N đã nhận, Trường Cao đẳng C còn phải thanh toán cho ông Phùng Công N số tiền: 295.609.000 đồng - 24.431.000 đồng **= 271.178.000** (Hai trăm bảy mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Phùng Công N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Trường Cao đẳng C phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thời gian chấm dứt Hợp đồng lao động giữa ông Phùng Công N với Trường Cao đẳng C kể từ ngày 29-9-2023.

Trường C phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày ông Phùng Công N không được làm việc từ ngày 04-5-2021 đến ngày 29-9-2023.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Trường Cao đẳng C phải trả tiền lương còn thiếu (bao gồm cả phụ cấp ưu đãi nhà giáo) từ tháng 01-2014 đến hết tháng 5-2020 số tiền là 204.864.978 đồng của nguyên đơn.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Trường Cao đẳng C phải chi trả 06 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động do ông Phùng Công N không muốn tiếp tục làm việc cho bị đơn số tiền là 45.183.277 đồng của nguyên đơn.

4. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện sau của nguyên đơn:

4.1. Yêu cầu Trường Cao đẳng Công nghiệp C phải thực hiện lại quy trình tinh giản biên chế theo quy định của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ của nguyên đơn.

4.2. Yêu cầu Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt-C phải bồi thường chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại là 10.000.000 đồng.

4.3. Yêu cầu Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt-C phải xin lỗi nguyên đơn công khai bằng văn bản, đăng ký ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023, ông Phùng Công N làm đơn kháng cáo với lý do: Sửa một phần bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Nam Định. Đề nghị toà án cấp phúc thẩm buộc Trường cao đẳng C giải quyết đối với khoản tiền lương cơ bản bị đơn chi trả còn thiếu, còn nợ trong khoảng thời gian từ tháng 1-2014 đến hết ngày 3-5-2021 và phán quyết xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản.

* Tại phiên tòa phúc thẩm. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo và kháng cáo bổ sung:

1. Buộc Trường Cao đẳng C phải thanh toán tiền lương còn nợ đọng cho ông N từ năm 2014-2021 theo Điều 12 Luật viên chức năm 2010.

2. Mức lương làm cơ sở chi trả tiền lương và bồi thường phải bao gồm 30% phụ cấp lương đặc thù công việc.

3. Buộc Trường cao đẳng C phải trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động 2019;

4. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của bị đơn đã thừa nhận cấn trừ số tiền bù trừ phí đóng bảo hiểm xã hội những năm trước. Do đó số tiền thực trả cho ông N ít hơn số tiền mà ông N đã ký xác nhận.

* Cụ thể, buộc Trường cao đẳng C phải chi trả các khoản tiền sau cho ông N:

- Buộc Trường Cao đẳng C có trách nhiệm trả số tiền lương còn nợ nguyên đơn là: 204.864.978 đồng.

- Ông N được hưởng phụ cấp nhà giáo 30% trong phán quyết về bồi thường 2 tháng tiền lương do thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật là 3.427.740 đồng.

- Buộc Trường cao đẳng C phải trả tiền phụ cấp nhà giáo 30% trong các phán quyết về khoản tiền trợ cấp theo chính sách tinh giảm biên chế là 47.828.424 đồng.

- Đề nghị HĐXX tuyên ông N được nhận lại số tiền bị nhà trường cấn trừ đóng bảo hiểm xã hội là 21.498.444 đồng.

- Do bị đơn không nhận lại nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý thì bị đơn phải trả 2 tháng tiền lương là 15.061.092 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông N yêu cầu bồi thường như đề nghị ở phần trên là 292.680.678 đồng.

Bởi lẽ: Ông Nghĩa là viên chức Nhà nước, được hưởng lương theo quy định tại Điều 12 Luật Viên chức năm 2010 sửa đổi, bổ sung. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông phải biết về mức lương tự chủ và đã chấp nhận mức lương theo cơ chế tự chủ của Nhà trường là không đúng vì Nhà trường chấm công, lên bảng lương và thanh toán lương không được thực hiện định kỳ hàng tháng và liên tục theo tháng nào cả, lương từ năm 2019 mà tận năm 2020 mới trả cho ông N nên ông không thể biết được số lương mình được nhận. Tiền lương của ông N được tính = [Lương cơ sở x (hệ số lương + phụ cấp thâm niên)-số trích nộp BHXH10,5%] + phụ cấp nhà giáo 30%. Như vật, tiền lương của ông N từ tháng 01-2014 đến hết tháng 5-2020 là 475.409.049 đồng, đối trừ số tiền 270.544.071 đồng đã nhận được theo tài khoản, nhà trường còn phải trả ông N 204.544.071 đồng.

Đối với mức lương làm cơ sở chi trả tiền lương và bồi thường phải bao gồm 30% phụ cấp lương đặc thù công việc. Ông Nghĩa là giáo viên trực tiếp giảng dạy nên lương của ông N phải bao gồm 30% phụ cấp lương nhà giáo là phụ cấp theo chức danh nghề nghiệp đặc thù, thời gian không được hưởng phụ cấp nhà giáo được quy định rõ tại thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC. Lý do bị đơn đưa ra căn cứ tính theo Quy chế đặc thù do bị đơn tự xây dựng là không đúng quy định của luật pháp và bảng chấm công do bị đơn tự tạo lập không đúng thực tế, để xác định ông N không được hưởng 30% phụ cấp nhà giáo. Đề nghị HĐXX xem xét cho nguyên đơn được hưởng 30% phụ cấp nhà giáo.

Về số tiền cấn trừ bảo hiểm: Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của bị đơn cũng đã thừa nhận cấn trừ số tiền bù trừ phí đóng bảo hiểm xã hội những năm trước. Do đó số tiền thực trả cho ông N ít hơn số tiền mà ông N đã ký xác nhận. Tuy nhiên HĐXX sơ thẩm không xem xét, buộc ông N phải trả lại số tiền không nhận là xét xử không khách quan, không toàn diện, không đúng pháp luật.

Hệ quả của việc người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là phải nhận lại người lao động làm việc. Tuy nhiên tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về chấm dứt hợp đồng lao động nên bị đơn có trách nhiệm trả ít nhất hai tháng tiền lương cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác đơn kháng cáo của ông Phùng Công N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phùng Công N được làm trong thời hạn luật định và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Trường Cao đẳng C có địa chỉ trụ sở tại số F H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 13-03-2007 ông Phùng Công N được Trường Cao đẳng C tiếp nhận về làm việc. Đến ngày 26-4-2021 Trường Cao đẳng C ra Quyết định số 124/QĐ-CĐCNDM về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc với ông Phùng Công N kể từ ngày 04-5-2021. Ngày 14-3-2022 ông Phùng Công N nộp đơn khởi kiện yêu cầu trợ cấp mất việc; về tiền lương; bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật; tuyên bố vô hiệu đối với quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc; bồi thường chi phí tố tụng; xin lỗi công khai. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động; tranh chấp tiền lương; yêu cầu bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động theo điểm a, b khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Ông Nguyễn Khắc T3, bà Vũ Thị Thanh H3, ông Trần Văn P, ông Hoàng Mai S, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 296 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Khắc T3, bà Vũ Thị Thanh H3, ông Trần Văn P, ông Hoàng Mai S là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Phùng Công N đề nghị toà án cấp phúc thẩm buộc Trường cao đẳng C giải quyết đối với khoản tiền lương cơ bản bị đơn chi trả còn thiếu, còn nợ trong khoảng thời gian từ 01-01-2014 đến ngày 30-5-2020 và phán quyết xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản là 204.864.978 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[2.1] Về thời hiệu: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Trường Cao đẳng C có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền lương còn nợ từ 01-01-2014 đến ngày 30-5-2020 là 204.864.978 đồng. Xét thấy tranh chấp về tiền lương là một quan hệ pháp luật, việc trả lương của nhà trường được thực hiện hàng tháng và liên tục nên cần xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp này được tính kể từ thời điểm thực tế được trả lương cuối cùng ngày 13-7-2021. Do có tranh chấp về tiền lương, về trợ cấp với Trường C nên ông N đã đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh N giải quyết, đến ngày 22-11-2021 Liên đoàn Lao động tỉnh N đã tổ chức hòa giải giữa hai bên nhưng không thành. Ngày 14-3-2022, ông Phùng Công N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 153, 154, 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng

xét xử xác định tranh chấp tiền lương của ông Phùng Công N với Trường C là còn thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền lương còn thiếu từ tháng 01-2014 đến hết tháng 5-2020 là 98.506.758 đồng, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận và không tranh chấp về mức lương cơ sở, hệ số lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề từng thời điểm ông N được hưởng, do đó Hội đồng xét xử không giải quyết về vấn đề này của ông N qua các thời điểm. Từ năm 2021, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực dệt may, nhà trường thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-03-2021 của Thủ tướng Chính phủ. Do tình hình thực tế gặp khó khăn về tài chính, nhà trường đã ban hành các Quyết định số 966/QĐ-CĐNKTKT ngày 27-11-2013 về việc ban hành tập Quy chế nội bộ năm 2013, Quyết định số 184/QĐ-CĐNKTKT ngày 07-5-2014 về việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định thuộc Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2013, Quyết định 253/QĐ-CĐNKTKT ngày 27-5-2016, Quyết định 320/QĐ-CĐNKTKT ngày 18-11-2020 trong đó có những quy định chế độ làm việc của giáo viên giảng dạy và quy định chi tiêu nội bộ về việc theo điều kiện cụ thể trong từng thời điểm trường sẽ tiến hành trao quyền tự chủ về tiền lương cho từng đơn vị. Nghị quyết số 42/NQ-ĐUCĐN ngày 25-3-2014 về công tác Quý II năm 2014 của Ban đã tổ chức hội nghị xây dựng Nghị quyết công tác quý II năm 2014 trong đó có mục thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ 25% quỹ lương của đơn vị và giao quyền tự chủ cho các trường khoa đơn vị xây dựng các phương án…và mục điểm 3 mục I Nghị quyết số 43/NQ-ĐUCĐN ngày 17-4-2014 điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ; Quyết định số 229/QĐ-CĐNKTKT ngày 27-5-2014 về việc ban hành Quy định thực hiện thí điểm cơ chế "Khoán công việc, tự chủ một phần tiền lương đối với các đơn vị thuộc T4". Điều này chứng tỏ ngay từ năm 2014 Trường C đã tiến hành cơ chế tự chủ tiền lương. Sau đó, hàng năm Trường C-May N đều ra các văn bản về cơ chế tự chủ một phần lương, gắn với lộ trình tinh giản biên chế đối với các đơn vị thuộc Trường như: Quyết định số 37/QĐ-CĐNKTKT ngày 30-01-2015; Quyết định số 394/QĐ-CĐNKTKT ngày 12-9-2016 về việc ban hành Quy định thực hiện cơ chế tự chủ một phần tiền lương; Thông báo số 224/TB-CĐNKTKT ngày 29-6-2017 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về cơ chế "Tự chủ một phần tiền lương"; Nghị quyết số 08-NQ-HĐT ngày 17-01-2018 triển khai chủ trương thực hiện cơ chế "Tự chủ một phần tiền lương năm 2018"; Thông báo số 12/TB-CĐCNDM ngày 17-01-2019 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về cơ chế "Tự chủ một phần tiền lương" và Thông báo số 63/TB-CĐCNDM ngày 19-4-2021 về việc thực hiện công tác tự chủ tài chính và tiền lương năm 2021. Các quy chế nội bộ trong đó có cơ chế "Khoán công việc, tự chủ một phần lương" được tính theo công thức: Lương thực lĩnh = {(L cơ bản x hệ số lương theo ngạch bậc) + phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) – số tiền bảo hiểm phải đóng}: 22 ngày công x số ngày công thực tế (các ngày mà giáo viên có giờ dạy thực tế) đều được thông báo, thực hiện công khai, lấy ý kiến đóng góp dân chủ, minh bạch và công khai rộng rãi tới toàn bộ cán bộ, viên chức, giáo viên và công nhân viên trong toàn trường biết. Bản thân ông Phùng Công Nghĩa là người đã

chủ trì cuộc họp của K2 về việc lấy ý kiến đóng góp vào quy chế nội bộ của trường ngày 23-01-2015. Xét thấy Trường C đã ban hành nhiều văn bản như Nghị quyết, qui chế chi tiêu nội bộ để cụ thể hóa qui chế tự chủ theo văn bản chỉ đạo của Tập đoàn D2; các Nghị quyết, quyết định, thông báo về tự chủ tiền lương của Trường C không trái pháp luật về tiền lương, không trái với cơ chế nhà trường được giao, các văn bản được ban hành đúng quy trình, đều được thực hiện công khai, minh bạch phù hợp với thực tế của đơn vị. Sau khi được ban hành, thực tế quy chế nội bộ đã được thực hiện nhiều năm qua. Cụ thể: Hàng tháng trưởng các đơn vị trực thuộc triển khai chấm công cho cán bộ, công nhân viên, giáo viên đơn vị mình phụ trách, ký xác nhận bảng chấm công (trong đó có chữ ký của ông N thời điểm là lãnh đạo phòng), gửi Phòng Tổ chức-Hành chính kiểm tra xác nhận trình Hiệu trưởng ký chuyển phòng Kế toán tính toán lương theo ngạch bậc của nhà nước quy định và quy chế "Khoán công việc, tự chủ một phần lương" của nhà trường.

Điều đó chứng tỏ, nguyên đơn đã biết và nhất trí với cách tính tiền lương nêu trên của nhà trường. Đồng thời tại bảng sao kê của ngân hàng cho thấy tài khoản số cũ 711A09106535, số mới là 109004295122 có các hoạt động chuyển lương của nhà trường, có hoạt động rút tiền của ông Phùng Công N. Như vậy có thể khẳng định nguyên đơn biết và phải biết tiền lương của mình được hưởng và đã được nhà trường chi trả như thế nào. Mặt khác nguyên đơn xác nhận biết nhà trường trả lương không đầy đủ không đúng hạn trong suốt thời gian dài từ tháng 01-2014 đến thời điểm nguyên đơn nộp đơn xin nghỉ không hưởng lương nhưng nguyên đơn cũng không phản đối việc chi trả lương theo cơ chế "Khoán công việc, tự chủ một phần lương" của nhà trường và số tiền lương được nhận. Như vậy, việc nhà trường khẳng định đã trả nguyên đơn số tiền lương 277.348.502 đồng là đúng. Hội đồng xét xử sơ thẩm không có cơ sở yêu cầu Trường C phải thanh toán số tiền lương còn thiếu từ tháng 01-2014 đến hết tháng 5-2020 là 98.506.758 đồng của nguyên đơn. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu Trường C phải thanh toán phụ cấp ưu đãi nhà giáo số tiền là 106.358.220 đồng của nguyên đơn: Theo Mục 2 Thông tư 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27-6-2008 tiêu chuẩn giờ giảng của giáo viên trong một năm học chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng là từ 380 giờ đến 450 giờ và Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10-3-2017 quy định quy chế làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thì định mức giờ giảng của nhà giáo trong một năm học là từ 380 giờ đến 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng. Như vậy, trong giai đoạn 01-4-2014 đến 30-4-2021 thì các giáo viên giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng sẽ có định mức giờ dạy là từ 380 đến 450 giờ chuẩn.

Theo Quyết định số 184/QĐ-CĐNKTKT ngày 07-5-2014 về việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định thuộc Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2013 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng T7 kỹ thuật VINATEX nay là trường Cao đẳng Công nghiệp dệt may Nam Định quy định giáo viên trực tiếp giảng dạy đạt 65% số giờ chuẩn định mức trong năm học trở lên thì được chi trả phụ cấp ưu đãi nhà giáo.

Theo thống kê giờ giảng của ông Phùng Công N và bảng chấm công do trường Cao đẳng Công nghiệp dệt may Nam Định cung cấp ông Phùng Công N đã có giờ giảng dạy trong các năm học như sau: Năm học 2014-2015: 161,6 giờ/448 giờ định mức (có 280 giờ bảo trì máy tính đã được quy đổi để chấm công trả lương), tỷ lệ đạt 36%; năm học 2015-2016: 98,5 giờ/431,5 giờ định mức, tỷ lệ đạt 22,8%; năm học 2016-2017: 10,5 giờ/392 giờ định mức, tỷ lệ đạt 2,7%; năm học 2017-2018: 0 giờ; năm học 2018-2019: 92,2 giờ/431,2 giờ định mức, tỷ lệ đạt 21,4%; năm học 2019-2020: 190,2 giờ/337,4 giờ định mức, tỷ lệ đạt 56,4%; năm học 2020-2021: không giảng dạy. Mặc dù, trường Cao đẳng C có quy chế tính tỷ lệ phần trăm các giờ giảng của giáo viên trong năm học để tính phụ cấp ưu đãi nhà giáo nhưng quy chế này không đạt đủ số giờ giảng tối thiểu theo quy định tại Thông tư 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27-6-2008 của Bộ L2 và Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10-3-2017 của Bộ L2 nên không được chấp nhận. Vì vậy, trong năm học từ năm 2014 đến năm 2021 ông Phùng Công N đều không đạt đủ giờ chuẩn trong một năm học. Vì vậy quyết định đã tuyên của Toà án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không nộp được tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu kháng cáo bổ sung của ông Phùng Công N đề nghị toà án cấp phúc thẩm buộc Trường Cao đẳng C phải trả ông N: Phụ cấp nhà giáo 30% trong phán quyết về bồi thường 2 tháng tiền lương do thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật là 3.427.740 đồng; Tiền phụ cấp nhà giáo 30% trong các phán quyết về khoản tiền trợ cấp theo chính sách tinh giảm biên chế là 47.828.424 đồng; Số tiền bị nhà trường cấn trừ đóng bảo hiểm xã hội là 21.498.444 đồng và phải trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 điều 42 Bộ luật Lao động 2012 là 15.061.092 đồng. Xét thấy, những yêu cầu kháng cáo bổ sung trên vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu của nguyên đơn nên HĐXX không có căn cứ xem xét giải quyết.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phùng Công N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 12; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do ông Phùng Công N thuộc trường hợp người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm..... nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 12; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Công N; Giữ nguyên các quyết định của bản án lao động sơ thẩm số 03/2023/LĐ-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Án phí lao động phúc thẩm: Ông Phùng Công N được miễn nộp án phí lao động phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Cảnh